



GIÁO DỤC KHOA CỬ THỜI LÍ - TRẦN

ThS. NGUYỄN LAN ANH

Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh

Bất kì dân tộc nào ở bất cứ thời kì nào của lịch sử muốn phát triển đều phải đề cao giáo dục và coi giáo dục là quốc sách hàng đầu. Bởi một nền giáo dục tốt mới có thể đào tạo ra nhiều nhân tài cho đất nước, nâng cao được trình độ dân trí trong xã hội, qua đó, mỗi người dân có thể tự điều tiết mọi hành vi của mình nhằm tạo ra một cuộc sống tốt đẹp và văn minh hơn. Nhìn lại lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, có thể nhận thấy Lí và Trần là hai triều đại hưng thịnh hơn cả... Sự chuyển giao quyền lực giữa hai triều đại Lí và Trần được thực hiện trong hòa bình, thêm nữa, cả hai triều đại này đều có rất nhiều điểm tương đồng: đều là những thời đại vẻ vang của dân tộc với nhiều thành tựu trên lĩnh vực quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa và cả hai đều tôn sùng Phật giáo. Đó là lí do các nhà nghiên cứu thường gộp chung hai thời kì này để nghiên cứu và gọi là "thời đại Lí - Trần".

Dù mới giành được độc lập sau gần một ngàn năm Bắc thuộc, trong khoảng thời gian không quá dài (nhà Lí - Trần vẫn nắm quyền từ năm 1009 đến năm 1407), nhà nước Lí - Trần vẫn có thể thiết lập một triều đại độc lập tự cường, hùng mạnh và có vị thế cao trong khu vực cũng như trên thế giới. Có rất nhiều nguyên nhân đem đến sự thịnh vượng cho hai triều đại này, nhưng một trong những nguyên nhân cơ bản đó là giáo dục. Do vậy, chế độ giáo dục của Việt Nam ở hai triều đại này cũng có nhiều điểm thống nhất, chính xác hơn là giữa hai thời kì này có sự kế thừa, phát triển tương đối hoàn chỉnh về cách thức và nội dung giáo dục. Từ việc tìm hiểu chế độ giáo dục khoa cử và phương thức tuyển chọn quan lại trong thời Lí - Trần có thể rút ra những bài học kinh nghiệm rất quý báu và hữu ích.

1. Ảnh hưởng của Phật giáo đến giáo dục thời Lí - Trần

Nói đến giáo dục thời Lí - Trần, chúng ta không thể không nhắc đến công lao của Phật giáo. Mặc dù Phật giáo du nhập vào nước ta đồng thời với Nho và Đạo giáo, tuy nhiên, trong buổi đầu kỉ nguyên độc lập tự chủ thì Phật chứ không phải Nho hay Đạo giữ vị trí then chốt trong đời sống tinh thần của xã hội. Có thể bởi tư tưởng từ bi, hỉ xả, cứu khổ cứu nạn của Phật giáo làm thỏa mãn được tâm trạng của cư dân mất nước, lại thường xuyên chịu những trận thiên tai phá hoại mùa màng. Vì vậy, Phật giáo

nh nhanh chóng hòa quyện vào phong tục, tập quán, tín ngưỡng và trở thành một bộ phận không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây. Người dân Việt vốn đã rất tôn sùng đạo Phật, Phật giáo không chỉ phát triển trong dân chúng và dần được coi trọng trong cả những triều đại phong kiến đầu tiên của Việt Nam như Ngô, Đinh, Tiền Lê...

Mặc dù ngay khi mới xâm lược, các triều đại Trung Quốc đã truyền bá chữ Nho, mở trường học tại Việt Nam, và coi đây là một trong những công cụ đồng hóa. Nhưng chữ Nho lại chỉ để dạy cho tầng lớp cai trị người Hán và con em của họ, người Việt chưa được tiếp cận với giáo dục. Đến thế kỉ X, chữ Hán dần trở thành chữ viết chính thức, nhưng số người biết chữ Nho vẫn còn rất ít ỏi. Do ít được học hành, nên trình độ quản lí của người Việt đều chưa cao. Để có thể giữ vững được quyền lực và quản lí tốt được triều đại, các vị vua đầu triều phải tận dụng trí tuệ của đội ngũ các nhà sư giàu lòng yêu nước, am tường cả đạo Phật, Nho, Lão. Bởi để đọc được kinh sách, ngoài tiếng Phạn họ phải biết cả tiếng Hán, nên ngẫu nhiên họ am hiểu cả những triết lí của đạo Nho và có thể cả những kiến thức của Đạo giáo. Các nhà sư cũng chính là những trí thức duy nhất ở thời kì này. Câu chuyện Lí Công Uẩn ngay từ nhỏ sống trong chùa Lục Tổ và được sư Vạn Hạnh dạy học, có thể thấy rằng, từ thế kỉ X, bên cạnh việc phổ biến triết lí Phật giáo là chủ yếu, nhà chùa với đội ngũ sư tăng còn là cái nôi phổ biến học thuyết Nho. Nói một cách khác, trước khi khoa cử xuất hiện đã có một đội ngũ trí thức, được đào tạo rèn luyện từ cửa Phật. Nhưng sang đến nhà Lí rồi nhà Trần, vai trò của Phật giáo, hay cụ thể là các sư tăng mới được thể hiện rõ nét trong mọi lĩnh vực kể cả trong hoạt động giáo dục.

2. Giáo dục khoa cử thời Lí - Trần

2.1. Nội dung giáo dục khoa cử

Trước khi triều đình mở trường công thì trong xã hội Việt Nam thời kì này đã xuất hiện các trường tư. Trong Đại Việt sử kí toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục cũng có nói đến hai hình thức trường tư xuất hiện vào thời Lí: một là những trường được mở ra bởi những người đi thi không đỗ đạt, hoặc những người đã đỗ đạt nhưng vì nhiều lí do đã về nhà (nghỉ hưu, bị sa thải, từ quan...) mở

lớp dạy cho con em mình hoặc những người thân thích; hai là các trường học tồn tại trong các chùa do các nhà sư giảng dạy (không chỉ dạy Phật giáo và truyền đạt cả kiến thức Nho giáo. Năm 1070, nhà Lí cho xây dựng nhà Văn Miếu và năm 1076 lập ra Quốc Tử Giám ở kinh thành để đào tạo con em các quý tộc quan lại. Nhưng chế độ giáo dục và thi cử theo tinh thần Nho giáo giai đoạn này mới chỉ bắt đầu. Phật giáo vẫn chiếm ưu thế và các nhà sư giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa - xã hội. Sang thời Trần, chế độ học tập và thi cử ngày càng chính quy hơn. Tại Thăng Long, Quốc Tử Giám lúc đầu chỉ dành cho con em quý tộc, quan lại, sau mở rộng cho giới nho sĩ vào học. Các địa phương đã có chức học quan, hệ thống trường lớp tại các địa phương được mở rộng. Một trong những người thầy xuất sắc nhất là Chu Văn An.

Sách vở chủ yếu được dùng trong hệ thống đào tạo thời Lí - Trần là Tứ thư, Ngũ kinh, Bắc sử, Nam sử và sách của bách gia chư tử. Tuy nhiên, do ảnh hưởng đậm nét của Phật giáo và một phần của Đạo giáo, các trường lớp còn dạy nhiều kiến thức về Phật giáo và Đạo giáo. Chữ viết chính thức trong giáo dục vẫn kế tục là chữ Hán. Nếu như, thời Lí giáo dục chưa đi vào điển lệ, nghĩa là không được tổ chức theo kì hạn thường xuyên, chương trình học quá thiên lệch về lí luận văn chương, điển tích, toán học và khoa học kĩ thuật chưa được lưu tâm; thì sang thời Trần, nội dung giáo dục có nhiều điểm tích cực hơn, nền giáo dục mang tính chất tổng hợp tam giáo và không có tính cách từ chương. Kiến thức thực tế về đạo lí là căn bản, văn chương và cú pháp là thứ yếu. Nói cách khác, nền giáo dục thời Trần đã góp phần giải quyết tốt mối quan hệ giữa đạo và đời, vương quyền và thần quyền, truyền giảng giáo lí và thực hành đạo lí, xây dựng được một nền Phật giáo phát triển nội sinh trong nền văn hóa dân tộc.

2.2. Hình thức giáo dục khoa cử

Nhà Lí tổ chức khoa cử không đều đặn theo định kì và các kì thi cũng chưa có cách thức nhất định. Trong suốt thời Lí chỉ có tổng cộng 6 khoa thi, các kì thi cách nhau khá xa và trong vòng 66 năm, từ 1086 đến 1152 không thấy sử sách ghi chép một khoa thi nào. Năm 1232, sau khi vừa mới thay thế nhà Lí, nhà Trần đã mở khoa thi đầu tiên thực hiện chế độ khoa cử để chọn người tài giúp nước. Năm 1247, nhà Trần đặt lệ thi lấy Tam khôi gồm 3 người đỗ đầu là trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa và quy định cứ 7 năm mở 1 khoa thi. Năm 1255, nhà Trần đặt lệ lấy 2 trạng nguyên: 1 kinh trạng nguyên

dành cho các lộ phía bắc và 1 trại trạng nguyên dành cho Thanh Hóa và Nghệ An để khuyến khích việc học của phương Nam. Năm 1275, lệ này bãi bỏ vì không cần thiết nữa. Theo Đại Việt sử kí toàn thư, trong 175 năm tồn tại, nhà Trần tổ chức được 24 cuộc thi và sát hạch, tuyển chọn nhân tài được duy danh bằng những kiểu thức khác nhau như Tam giáo (Nho - Phật - Đạo), Thái học sinh (Tiến sĩ), Lại viên (Ba đầu cách), thi chọn kẻ sĩ, học trò (Thủ sĩ), trong đó, có 4 cuộc thi gắn với Tam giáo và liên quan trực tiếp đến Phật giáo. So với thời Lí trước đây, có thể thấy rõ sự ý thức về phương thức và cách thức tổ chức thi cử đã ngày càng được coi trọng, được điển lệ hoá một cách quy củ hơn. Các cấp thi, các môn thi, các cách ra đề, cách làm bài, cách phân loại và tuyển lựa thí sinh, cách lấy đỗ và bố trí chức vị cũng ngày càng cụ thể, chi tiết hơn. Cuối thời Trần, do Phật giáo được ưu ái khiến số lượng người đi tu quá nhiều, gây ra sự bất bình trong dân. Việc tuyển chọn, sát hạch giới sư tăng trở nên chặt chẽ, khắt khe hơn; thậm chí, tổ chức thi Kinh giáo không hẳn để tìm người hiền tài mà chính là cách sàng lọc, thải loại, giảm bớt tăng đạo. Trong khi xu thế chung là các môn thi cổ văn và kinh sách Nho học ngày càng được quan tâm mở rộng hơn.

3. Phương thức tuyển chọn quan lại

Quá trình phát triển của bộ máy nhà nước thời Lí - Trần tất yếu kéo theo yêu cầu tuyển lựa, đào tạo đội ngũ quan lại các cấp. Ít nhất trong 65 năm đầu thời Lí (từ 1010 đến 1075) trước khi có thi tuyển học vị minh kinh bác học và thi nho học, chế độ nhiệm tử, bảo cử vẫn được áp dụng theo truyền thống từ trước. Nếu như chế độ bảo cử dựa vào tiêu chuẩn tuổi tác, tài năng và đức độ, thì chế độ nhiệm tử cần nhắc con cái quan lại, chủ yếu ở hàng ngũ tông thất, công thần bổ xung vào hàng ngũ thống trị. Việc tuyển chọn quan lại qua khoa cử chỉ được bắt đầu từ năm 1075 thời Lí Nhân Tông. Năm 1179, thời Lí Cao Tông, triều đình thực hiện "khảo xét công trạng các quan, người giữ chức siêng năng tài cán nhưng không thông chữ nghĩa làm một loại, người có chữ nghĩa tài cán làm một loại, người tuổi cao hạnh thuận, biết rõ việc xưa nay làm một loại, cứ theo thứ tự mà trao cho chức vụ trị dân coi quân, khiến cho quan chức không lạm quyền tham nhũng". Nhìn chung, đội ngũ quan lại triều Lí được tuyển chọn tương đối kĩ càng, nên cơ bản xứng với thực tài và chức vụ. Sang thời Trần các khoa thi mở nhiều hơn và có quy củ hơn. Những người đỗ đạt được bổ nhiệm vào chức vụ ở viện Hàn lâm, các cơ quan hành khiển, sung vào các phái bộ sứ thần hoặc tiếp sứ phương

Bắc. Họ trở thành bộ phận quan trọng trong bộ máy nhà nước và có những đóng góp quan trọng trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao như Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh, Lê Quát... Khác với thời Lí, quan lại thời Trần có lương bổng. Năm 1236, Thái Tông quy định lương cho các quan văn võ ở triều đình đến các địa phương, kể cả quan giữ làng miếu. Đây là bước ngoặt trong tổ chức chính quyền. Năm 1244, nhà nước lại điều chỉnh lương bổng một lần nữa. Có thể thấy, đội ngũ quan lại nhà Trần được xây dựng chủ yếu trên hai cơ sở xã hội là quý tộc họ Trần và sĩ phu. Phương thức tuyển chọn quan trọng là nhiệm cử. Người nắm chính quyền được bổ nhiệm theo họ hàng (mà trước hết là nội tộc). Đây là nguyên tắc chi phối trong triều đại này. Ngoài ra, nhà Trần còn lựa chọn quan lại khoa cử qua công lao, thủ sĩ và mua bán bằng tiền.

Như vậy, tiêu chuẩn tuyển chọn quan lại trong bộ máy nhà nước thời Lí - Trần sau hàng thế kỉ củng cố, phát triển nổi lên hai điểm chủ yếu: tài cán - có đầu đật hoặc chưa đầu đật; và đạo đức - tuổi cao, hạnh thuận, giàu kinh nghiệm. Do việc học có nề nếp, thi cử nghiêm túc, công bằng nên hiện tượng "tiến sĩ giấy", tệ chạy bằng, chạy chức chưa phổ biến. Chế độ cất nhắc, sử dụng và đãi ngộ quan lại qua kết quả thi cử và kết quả cai trị đã tạo nên một đội ngũ quan lại trí thức và chuyên nghiệp. Các bậc đại khoa Nho học luôn được coi là người hiền tài, nhưng bên cạnh đó triều đình vẫn rất coi trọng vị thế của các nhà sư. Các sư tăng, thời kì này dù không còn trực tiếp tham gia vào chính sự như thời Đinh, Tiền Lê, chức vị Quốc sư lúc này cũng chỉ như một vị giáo chủ về tinh thần và đạo đức trong xã hội, nhưng những lời giáo huấn, dạy bảo của các vị ấy vẫn có ảnh hưởng lớn trong xã hội. Bởi, đức tin đối với Phật giáo đã thấm sâu trong nhận thức của triều đình, thấm sâu trong tình cảm của nhân dân và thấm sâu trong phép ứng xử phổ biến cả một giai đoạn lịch sử khá lâu dài của thời Lí - Trần.

4. Bài học rút ra từ phương thức giáo dục khoa cử thời Lí - Trần

Quy luật tất yếu là thời đại thế nào thì giáo dục sẽ ảnh hưởng, nhưng không thể không chú trọng vai trò chủ động của chủ thể giáo dục, trong đó đặc biệt là vai trò của người quản lí. Việt Nam ngày nay đang trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, tạo cơ hội tăng trưởng nhanh chóng cho đất nước, nhưng bên cạnh đó các giá trị văn hóa truyền thống, nền đạo đức xã hội cũng ngày càng bị xâm hại nghiêm trọng. Vậy, để xây dựng một quốc gia giàu mạnh, văn minh trong thời kì hội nhập, bên

cạnh việc coi trọng khoa học công nghệ, thì vẫn phải giáo dục về các giá trị đạo đức, nhân văn cho giới trẻ. Phải tìm ra được một hệ giá trị nền tảng phù hợp trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thời đại kinh tế thị trường hiện nay. Giống như thời Lí - Trần đã từng làm: chọn được một hệ giá trị phù hợp - đó là Phật giáo. Từ đây, Phật giáo đã trở thành công cụ tinh thần đắc lực giúp giai cấp thống trị có thể liên kết nhân tâm, thống nhất triều đại, huy động được toàn dân tích cực tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, chiến thắng trước mọi thế lực xâm lăng hùng mạnh nhất.

Thời Lí - Trần các vị vua chúa, quan lại đều có trình độ tương đối cao, nhưng họ vẫn bị thuyết phục bởi những triết lí làm người, về ý nghĩa của cuộc sống, về lẽ sống chết, về luật nhân - quả... được kết tinh trong lời dạy của các cao tăng. Đây chính là yếu tố cơ bản chi phối mọi hành động, lời nói của các vị vua chúa, quan lại và toàn bộ dân tộc trong suốt giai đoạn lịch sử hào hùng này. Vậy, trong bất cứ thời đại nào hệ giá trị đạo đức luôn phải được đề cao, đặc biệt là đạo đức trong bộ máy cầm quyền. Chính vì sự tin tưởng vào những triết lí nhân văn của Phật giáo, nhiều vị vua nhà Lí và nhà Trần tỏ ra chừng mực trong hưởng thụ, nhân từ trong trị nước, mềm mại trong bang giao. Những hành động tốt đẹp đó đã trở thành những âm hưởng vang vọng trong cả nước. Từ các bà hoàng, công chúa, quan lại trong triều đến dân chúng ở thôn cùng ngõ hẻm đều rất mực tin tưởng và hoan hỉ làm theo tấm gương đạo đức của các vua.

Như vậy, do yêu cầu cấp thiết của thời đại, triều đình cần những bậc trí thức có tài, có học thức bổ sung vào hàng ngũ quan lại, chế độ khoa cử Nho học bắt đầu được tổ chức từ thời Lí và đến cuối thời nhà Trần, khoa cử đã đạt tới trình độ tương đối chính quy. Nhưng dù học Nho, giai cấp thống trị vẫn coi trọng Phật giáo và lấy các giá trị đạo đức trong triết lí của Phật làm nền tảng tinh thần cho xã hội. Chính vì thế, nền giáo dục ấy đã tạo ra những hiền tài như: Lí Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Chu Văn An, Nguyễn Trãi... và những bậc minh quân như Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông... lưu danh muôn thủa. Ngày nay, thực tiễn xã hội không còn giống thời Lí - Trần nữa, nhưng bài học về đạo đức, giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên vẫn còn nguyên giá trị. Bởi, họ chính là chủ nhân của đất nước, là người nắm giữ vận mệnh của đất nước... nếu được thụ hưởng một nền giáo dục nhân văn, họ sẽ góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng một xã hội trong sạch, lành mạnh và phát triển bền vững trong tương lai.

(Xem tiếp trang 41)